

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ksor Af Lai.

- Ông Ksor Y Nai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2020/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tăng Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Tăng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do là anh Tuyên nghiện ma túy, không lo

làm ăn, mặc dù chị N đã chịu đựng, khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Tuyền được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuyền.

Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Tuấn D, sinh ngày 11/3/2013. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh Tuyền phải cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng để nuôi cháu Nguyễn Đình Tuấn D; quá trình giải quyết vụ án chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ anh T nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T; cần giao con chung là Nguyễn Đình Tuấn D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Tăng Thị N và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn chị Tăng Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Tăng Thị N và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171, ngày 14/12/2012. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy nên xảy ra mâu thuẫn. Nay nhận thấy chị N và anh T không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Vì vậy, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người cần cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Tăng Thị N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Đình Tuấn D, sinh ngày 11/3/2013. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu.

Xét thấy, cháu D có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Mặt khác, chị N cũng có đủ điều kiện kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Vì vậy, để đảm bảo sự chăm sóc và phát triển về mọi mặt của cháu cũng như khả năng nuôi dạy con của cả hai người, cần giao cháu D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tăng Thị N rút yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Tăng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[6] Về án phí dân sự: Cần buộc chị Tăng Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 70, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đình Tuấn D, sinh ngày 11/3/2013

cho chị Tăng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Tăng Thị N về việc giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và các khoản nợ: Chị Tăng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

5. Về án phí dân sự: Chị Tăng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2019/0012317, ngày 10/12/2020.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tăng Thị N và bị đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa